

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SƠN DƯƠNG  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 23/3/2021

*“V/v ly hôn, giao nuôi con chung  
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Hồng Chiến

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Sơn Hải và ông Phạm Văn Vượng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

**- Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 03/2020/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 01 năm 2020 về *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27 /2021/QĐXX-HNGĐ, ngày 02/3/2021, giữa:

**\* Nguyên đơn:** Chị Phùng Thị L, sinh năm 1990;

Nơi ĐKKHKT: Thôn V, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nơi đăng ký tạm trú: tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

**\* Bị đơn:** Anh Trần Văn N, sinh năm 1987;

Nơi ĐKKHKT: Thôn V, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nơi tạm trú và chỗ ở hiện nay: tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

*(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Chị Phùng Thị L. và Anh Trần Văn N. kết hôn với nhau vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 10/3/2015. Sau ngày cưới vợ chồng thuê nhà và chung sống tại thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian ngắn sau phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, thường xuyên cãi cọ. Từ tháng 6/2019 vợ chồng sống ly thân. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Phùng Thị L. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Trần Văn N.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phùng Thị L. trình bày: Về quan hệ hôn nhân chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Trần Văn N. Về con chung, có 01 con chung là cháu Trần Ngọc A, sinh ngày 08/5/2015, trường hợp vợ chồng ly hôn chị nhất trí giao con chung cho Anh Trần Văn N. được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về tài sản, công nợ chung không có, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh Trần Văn N. trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, vợ chồng sống ly thân đã lâu, anh nhất trí thuận tình ly hôn với chị Phùng Thị L. Về con chung có 01 cháu là Trần Ngọc A, sinh ngày 08/5/2015. Anh N. đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ngọc Anh và không yêu cầu chị Phùng Thị L. có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Về nợ chung không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung vợ chồng có khoảng 1.000.000.000 (một tỷ) đồng tiền mặt và 04 (bốn) cây vàng 9999. Tài sản trên có nguồn gốc do vợ chồng làm ăn tích cóp có được và giao cho chị L. trực tiếp quản lý nên anh không cung cấp được tài liệu chứng cứ về tài sản. Nay anh vẫn muốn để vợ chồng tự thỏa thuận với nhau nên quá trình giải quyết anh không nộp tiền tạm ứng án phí theo yêu cầu của Tòa án. Đề nghị Tòa án tạo điều kiện lui lại cho anh thời gian 01 tháng để anh yêu cầu chị L. làm rõ số tài sản trên hiện đang ở đâu và thỏa thuận giải quyết về tài sản với anh xong trước khi giải quyết ly hôn. Nếu hết thời gian trên mà vẫn không được anh sẽ đề nghị giải quyết chia tài sản theo quy định của pháp luật.

*Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, và các đương sự đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Anh Trần Văn N. và chị Phùng Thị L. kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện S là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa chị L. và anh N. cùng xác định không còn tình cảm và nhất trí thuận tình ly hôn, nhất trí giao con chung là cháu Trần Ngọc A cho anh N. trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phùng Thị L. và anh Trần Văn Nghĩa, giao con chung là cháu Trần Ngọc A, sinh ngày 08/5/2015 cho anh N. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L. không phải cấp dưỡng nuôi con. Về nợ chung, các đương sự xác định không có, không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý. Về tài sản chung chị L. xác định không có, không đề nghị giải quyết, anh N. xác định có tài sản chung nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không đề cập giải quyết. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX xem xét giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo xét xử đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của các đương sự thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện chị Phùng Thị L. đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Trần Văn N, giao nuôi con chung khi ly hôn và không đề nghị giải quyết về tài sản, công nợ chung. Bị đơn Anh Trần Văn N. nhất trí thuận tình ly hôn với chị L. và đề nghị Tòa án giải quyết giao nuôi con chung và để các đương sự thỏa thuận chia tài sản chung trước khi ly hôn. Do vậy quan hệ pháp luật ở đây được xác định là Tranh chấp Hôn nhân và gia đình về “*Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị L. và Anh Trần Văn N. kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng do bất đồng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2019 đến nay. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị L. và anh N. cùng có quan điểm xác định tình cảm vợ chồng đã hết, vợ chồng sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Xét việc thuận tình ly hôn của chị L. và anh N. là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Căn cứ Điều 55 - Luật HN&GD, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phùng Thị L. và Anh Trần Văn N.

- Về con chung: Chị Phùng Thị L. và Anh Trần Văn N. có 01 con chung là cháu Trần Ngọc A, sinh ngày 08/5/2015. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị L. và anh N. cùng có quan điểm nhất trí thỏa thuận anh N. được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ngọc Anh, anh N. không yêu cầu chị L. có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Xét việc thỏa thuận giao nuôi con chung của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật. Căn cứ Điều 81, 82, 83 - Luật HN&GD, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Trần Ngọc A, sinh ngày 08/5/2015 cho Anh Trần Văn N. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Phùng Thị L. không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về công nợ chung: Chị Phùng Thị L. và Anh Trần Văn N. xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung:

Chị Phùng Thị L. xác định không có, không đề nghị giải quyết.

Anh Trần Văn N. xác định tài sản chung vợ chồng có khoảng 1.000.000.000 (một tỷ) đồng tiền mặt và 04 (bốn) cây vàng 9999. Quá trình giải quyết Tòa án đã yêu cầu anh N. cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh và ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung. Tuy nhiên anh N. đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, không nộp tiền tạm ứng án phí và không cung cấp đầy đủ tài liệu chứng cứ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Giành quyền khởi kiện vụ án dân sự về chia tài sản chung sau khi ly hôn cho các đương sự khi có đơn khởi kiện và cung cấp đầy đủ tài liệu chứng cứ.

[4] Về án phí: Chị Phùng Thị L. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo:

Do quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị Phùng Thị L. và Anh Trần Văn N. đã thỏa thuận giải quyết được với nhau về quan hệ hôn nhân, giao nuôi con chung khi ly hôn và được Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nên có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án các đương sự không thỏa thuận được nên có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào Điều 28, 35, 147, 227, 271 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 57, 81, 82, 83, - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phùng Thị L. và anh Trần Văn N.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao con chung là cháu Trần Ngọc A, sinh ngày 08/5/2015 cho Anh Trần Văn N. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Chị Phùng Thị L. không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phùng Thị L. phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003177 ngày 03/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Chị L. đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Về quan hệ hôn nhân và giao nuôi con chung khi ly hôn có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Chị Phùng Thị L. và Anh Trần Văn N. có quyền kháng cáo phần còn lại của bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện SD (02 bản);
- Chi cục THADS huyện SD;
- UBND xã T. (nơi đăng ký HKTT);
- UBND xã S. (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Tạ Hồng Chiến**